

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/DS-ST

Ngày 26 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
và chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Diệp Huyền Thảo

Ông Huỳnh Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2024/QĐ - ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Henry H (Hò Thành H1), sinh năm 1945. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G M, R, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông Henry H: Bà Hồ Ngọc T, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số A, Nguyễn Tri P, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ hiện nay: Căn hộ C2 – 21.02, Tòa C, Vinhomes C, 720 A, Đ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lâm Khắc S, Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Cẩm H2, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A B, phường I, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: 1191/19/3 Lê Văn L, ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Cẩm H2: Ông Hồ Trí Trường S1, sinh năm 1977 hoặc bà Hồ Ngọc C, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Số I L, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020 (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Ánh N, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Giang Minh C1, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Bà Hồ Băng T1, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Giang Minh C1, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

3. Bà Hồ Ngọc T, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, N, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ hiện nay: Căn hộ C2 – 21.02, Tòa C, Vinhomes C, 720 A, Đ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Hồ Công M, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 Pararoma St R, Australia.

5. Bà Hồ Ngọc N1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

6. Bà Hồ Ngọc S2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A L, ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Hồ Ngọc C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

8. Bà Hồ Ngọc T2, sinh năm 1966 (vắng mặt)

9. Ông Hồ Trí Trường G, sinh năm 1975 (vắng mặt)

10. Ông Hồ Trí Trường S1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số I L, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Bà Hồ Ngọc T3, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn ông Hồ Thành H1 (Henry Ho) và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cha mẹ bà là cụ Hồ Quang S3 (chết 1966) và cụ Trương Thị H3 (chết năm 1958), cha mẹ bà có 06 người con gồm: Hồ Trí V (chết năm 1998), Hồ Ánh N, Hồ Công M, Hồ Thành H1, Hồ Băng

T1, Hồ Ngọc T. Thửa đất 121, tờ bản đồ số 42, diện tích 376,3m², tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của người cậu ruột bà là cụ Trương Vĩnh T4 (anh ruột của cụ H3), phần đất này ban đầu cụ T4 cho cha mẹ bà ở nhờ trên đất, lúc đó cha mẹ bà chỉ cất căn nhà lá, sau khi mẹ bà chết thì cụ T4 mới kê bán phần đất này nên cha bà mới đưa tiền cho anh của bà là ông Hồ Trí V số tiền 10.000 đồng tiền hồi đó trả tiền cho cụ T4 và cha bà để anh của bà là ông V đứng tên hợp đồng mua bán với ông T4. Sau khi mua phần đất này cha của bà cất một căn nhà ngói trên đất (căn nhà này hiện nay đã phá bỏ, ngay vị trí căn nhà hiện nay bà Phạm Thị Cẩm H2 với ông Hồ Thành H1 hùn tiền xây); sau đó cha bà có cất thêm 02 căn nhà nữa (01 ngôi nhà nằm trên phần đất hiện nay chia cho bà Hồ Băng T1 nay là thửa 282, ngôi nhà này hiện nay vẫn còn; 01 ngôi nhà nằm trên phần đất hiện nay chia cho bà Hồ Ánh N nay là thửa 283, ngôi nhà này hiện nay vẫn còn). Sau khi ông Hồ Trí V chết (chết năm 1998) chị em của bà thống nhất để cho chị dâu của bà là bà Phạm Thị Cẩm H2 (vợ ông V) đại diện các anh chị em của bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà và đất trên. Sau đó các anh chị em bà gồm bà, bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N, ông Hồ Thành H1 với chị dâu bà là bà H2 thỏa thuận phân chia nhà, đất thửa 121 trên như sau: Chia cho bà Hồ Băng T1 phần diện tích 41m² và 01 căn nhà nằm trên đất nay là thửa 282; chia cho bà Hồ Ánh N phần diện tích 48,5m² và 01 căn nhà nằm trên đất nay là thửa 283; chia cho bà phần đất diện tích 38,2m², nay là thửa 281. Phần đất còn lại của thửa 121 nay là thửa 284 diện tích 154m² và thửa 252, diện tích 94,6m². Trên phần đất còn lại này (thửa 284,252) có căn nhà thờ của cha mẹ bà thì các anh chị em bà thống nhất chia cho ông Hồ Thành H1 và bà Phạm Thị Cẩm H4 căn nhà này gắn liền với diện tích đất, riêng phần đất là sân của căn nhà này thì thỏa thuận làm sân chung cho các anh chị em bà. Sau đó giữa bà H4 và ông H1 mỗi người hùn số tiền 380.000.000 đồng để xây dựng lại căn nhà như hiện nay (phá bỏ hoàn toàn căn nhà thờ trước đây). Nay ông Hồ Thành H1 yêu cầu chia đôi phần diện tích của thửa đất 252 cho ông H1 và bà H4 mỗi người một nửa; đối với diện tích thửa 284, sau khi trừ phần diện tích hợp lý phần sân làm lối đi chung cho bà T1, bà N, ông H1, bà H4 và bà, phần diện tích còn lại của thửa 284 chia đều cho ông H1, bà H4 mỗi người một nửa; đối với căn nhà trên phần đất thửa 252, 284 thì chia đều cho bà H4 và ông H1 mỗi người một nửa.

Ông Hồ Trí Trường S1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Cẩm H2 trình bày: Ông, bà nội ông là cụ Hồ Quang S3 và cụ Trương Thị H3; ông, bà nội ông có 06 người con gồm: Hồ Trí V, bà Hồ Ánh N, ông Hồ Công M, ông Hồ Thành H1, bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ngọc T. Cha ông là ông Hồ Trí V với mẹ ông là bà Phạm Thị Cẩm H2 có 07 người con gồm: Hồ Ngọc S2, Hồ Ngọc T2, Hồ Ngọc C, Hồ Ngọc T3, Hồ Ngọc N1, Hồ Trí Trường G, Hồ Trí Trường S1.

Nguồn gốc thửa đất 121, tờ bản đồ số 42, diện tích 376,3m² tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là của cha ông là ông Hồ Trí V mua của vợ chồng chị dâu bà nội ông là cụ Trương Vĩnh T4 và cụ T5. Trước đây mẹ ông là bà Phạm Thị Cẩm H2 có chia cho bà Hồ Ánh N nhà và đất nay là thửa 823, phần diện tích 48,5m²; chia cho bà Hồ Bang T6 nhà và đất nay là thửa 282, diện tích 41m²; chia cho bà Hồ Ngọc T diện tích 38,2m², nay là thửa 281. Phần còn lại của thửa đất 121 (nay là thửa 284, 252) mẹ ông có thừa nhận là của chung mẹ ông với ông Hồ Thành H1. Năm 2008 mẹ ông với ông H1 hùn tiền mỗi người 380.000.000 đồng để xây dựng lại nhà thờ tổ tiên trên thửa đất 252 và một phần thửa đất 284. Lúc thì ông Hồ Trí Trường S1 yêu chia đôi diện tích đất của thửa 252, 284 và chia đôi căn nhà tường một trệt, một lầu nằm trên đất cho bà H2, ông H1 mỗi người một nửa và yêu cầu nhận bằng hiện vật; lúc thì yêu cầu ông H1 giao số tiền 2.600.000.000 đồng thì gia đình ông đồng ý giao toàn bộ nhà và đất trên cho ông H1; lúc thì yêu cầu ông H1 giao số tiền 2.000.000.000 đồng thì gia đình ông đồng ý giao toàn bộ nhà và đất trên cho ông H1.

Bà Hồ Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Cẩm H2 trình bày: Bà thừa nhận thửa 284, 252 và căn nhà tường một trệt, một lầu nằm trên đất là tài sản chung của mẹ bà là bà Phạm Thị Cẩm H2 với Hồ Thành H1. Bà yêu cầu chia đôi diện tích đất của thửa 252, 284 và chia đôi căn nhà tường một trệt, một lầu nằm trên đất cho bà H2, ông H1 mỗi người một nửa, mẹ bà nhận phần nhà, đất bên hướng B. Riêng phần đất trước sân nhà làm lối đi thì bà đồng ý chia chiều ngang giáp đường đaml một bên 2,98m (hướng N), một bên 2,7m (hướng Bắc), điểm đầu phía trong tính từ mí cửa chính của ngôi nhà tại vị trí chia căn nhà làm hai phần kéo ra ngoài sân 03m, mẹ bà đồng ý nhận phần nhà, đất và phần lối đi vị trí bên hướng Bắc. Nhưng sau đó giữa bà Hồ Ngọc C và bà Hồ Ngọc T không thống nhất với nhau về việc thỏa thuận chia phần đất làm lối đi này.

Ông Giang Minh C1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ánh N2, bà Hồ Băng T1 trình bày: Về nguồn gốc căn nhà và đất, nội dung sự thỏa thuận phân chia thửa đất 121 ông thống nhất như lời trình bày của bà Hồ Ngọc T. Hiện nay, bà N2 đang sử dụng thửa đất 283, diện tích 48,5m², còn bà T1 sử dụng thửa đất 282, diện tích 41m², hai thửa đất này nằm phía trong thửa 284 nên muốn đi ra thì phải đi trên phần đất của thửa 284. Theo nội dung giấy cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở lập giữa bà H2, bà N2, bà T1, bà T vào năm 2002 thì phần diện tích sân trước nhà sẽ được sử dụng làm sân chung. Vì vậy bà T1, bà N2 có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1, bà H2 dùng phần đất trước sân nhà ông H1, bà H2 đang tranh chấp (thửa 284) làm lối đi chung trong đó có hộ bà T1, bà N2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Ngọc T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày trên của bà đại diện cho ông H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3, ông Hồ Công M: Vắng mặt không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thành H1 (H). Ông Giang Minh C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Thừa đất 121 có nguồn gốc là của cụ Hồ Quang S3, cụ Trương Thị H3 nhận chuyển nhượng của cụ Trương Vĩnh T4 nhưng để cho con là ông Hồ Trí V đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng. Bị đơn bà Phạm Thị Cẩm H2 cũng thừa nhận thừa đất 121 này là di sản của cụ S3 và cụ H3 để lại. Sau đó giữa bà H2 với bà T, bà T1, bà N2, ông H1 thỏa thuận phân chia thừa đất 121 và các căn nhà trên đất cho bà T, bà T1, bà N2 mỗi người một phần; phần còn lại của thừa đất 121 sau khi trừ phần diện tích làm sân chung và căn nhà thờ trên đất là phần của ông H1, bà H2. Đến năm 2008, bà H2, ông H1 mỗi người hùn số tiền 380.000.000 đồng, dỡ bỏ căn nhà thờ để xây dựng căn nhà tầng một trệt, một lầu như hiện nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 chia đôi phần nhà và đất này cho ông H1, bà H2 mỗi người một nửa. Trường hợp giao cho ông H1 toàn bộ nhà và đất này thì ông H1 đồng ý trả giá trị phần của bà H2 cho bà H2. Trường hợp giao cho bà H2 toàn bộ nhà và đất này thì bà H2 có nghĩa vụ trả giá trị phần của ông H1 cho ông H1.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3, ông Hồ Công M chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Thừa đất 121 là di sản của cụ Hồ Quang S3 và cụ Trương Thị H3 để lại. Việc này phía bị đơn bà Phạm Thị Cẩm H2 cũng thừa nhận. Đến năm 2002, giữa bà H2 với bà T, bà T1, bà N2, ông H1 thỏa thuận phân chia thừa đất 121 và các căn nhà trên đất cho bà T, bà T1, bà N2 mỗi người một phần; phần còn lại của thừa đất 121 sau khi trừ phần diện tích làm sân chung và căn nhà thờ trên đất là phần của ông H1, bà H2. Đến năm 2009, bà H2 đã làm thủ tục tặng cho nhà, đất cho bà T1, bà N2, bà T theo sự thỏa thuận trên. Phần đất còn lại của thừa 121 nay là thửa 252, diện tích 94,6m² và thửa 284,

diện tích 154m². Theo thỏa thuận phân chia giữa bà H2, bà T, bà N2, bà T1, ông H1 thì không có chia cho ông Hồ Công M, ông M cũng là con con của cụ S3, cụ H3 nên ông M cũng được hưởng phần di sản này của cụ S3, cụ H3. Do đó, phần diện tích của thửa 252 và thửa 284 sau khi trừ diện tích 44,5m² (phần ký hiệu B3.1, B2.1) làm lối đi chung thì phần diện tích còn lại chia cho ông M diện tích 37,8m² (phần ký hiệu B3.3.1); chia cho ông H1, ông V (bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 là người thừa kế chuyển tiếp của ông V) mỗi người diện tích 83,15m². Phần diện tích 83,15m² mà ông H1 được hưởng giao cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 quản lý, sử dụng; bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 có nghĩa vụ trả cho ông H1 giá trị diện tích 83,15m² đất.

Đối với căn nhà trường một trệt, một lầu nằm trên đất: Chia cho bà H2, ông H1 mỗi người một nửa; giao phần căn nhà của ông H1 được hưởng cho bà H2, bà H2 có nghĩa vụ trả giá trị phần căn nhà này cho ông H1.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời trình bày của đương sự về nguồn gốc của tài sản tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp chia thừa kế*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn ông Hồ Thành H1 đang định cư ở Mỹ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Công M đang định cư ở Úc trước khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 26, 37, 38, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[3] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Trí Trường S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị Cẩm H2 có cung cấp họ tên và địa chỉ của anh chị em ruột của ông S1 gồm: Bà

Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 (BL 320). Tòa án chỉ tổng đạt văn bản tố tụng được cho bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3; Còn đối với bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, Tòa án tổng đạt không được, bưu điện hoàn trả lại do không có người nhận. Ngày 23/4/2024, Tòa án có lấy lời khai ông Hồ Trí Trường S4 để ông S4 cung cấp địa chỉ bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2 nhưng ông S4 không chịu cung cấp địa chỉ (BL 321). Ngày 23/4/2024, Tòa án có ra quyết định yêu cầu ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C cung cấp địa chỉ của bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2 nhưng đến nay ông S1, bà C cũng không cung cấp (BL 318 – 319). Do đó, đây được xem là trường hợp ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C cố tình giấu địa chỉ của bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2. Ngoài ra, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2 là hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Trí V nên căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, Tòa án giải quyết vắng mặt bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3. Đối với ông Hồ Công M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông M là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồ Quang S3, cụ Trương Thị H3 nên căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, Tòa án giải quyết vắng mặt ông Hồ Công M.

[5] Thửa đất 121, tờ bản đồ số 42, diện tích 376,3m², tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cụ Trương Vĩnh T4. Vào năm 1960 ông Hồ Trí V đứng tên trong hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất này với cụ Trương Vĩnh T4 (BL 306 - 312, 259 - 262). Đến năm 1990, ông Hồ Trí V được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất tạm thời (BL 269, 305). Năm 1998 ông V chết, đến năm 2007 bà Phạm Thị Cẩm H2 làm thủ tục nhận thừa kế nhà và thửa 121 trên (*các con bà H2, ông V từ chối nhận di sản của ông V và đồng ý để cho bà H2 hưởng*) và được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vào ngày 23/10/2007 đối với thửa đất 121 và nhà trên đất (diện tích đất 376,3m², diện tích nhà 186,14m²) (BL 263 - 285).

[6] Theo lời khai của bà Hồ Ngọc T, bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 cho rằng thửa đất 121 này, ban đầu cậu ruột các bà là cụ Trương Vĩnh T4 cho cha mẹ các bà là cụ S3, cụ H3 ở nhờ trên đất, lúc đó cụ S3, cụ H3 chỉ cất căn nhà lá, sau khi cụ H3 chết thì cụ T4 mới kê bán phần đất này nên cha các bà là cụ S3 mới đưa tiền cho anh của bà là ông Hồ Trí V số tiền 10.000 đồng để trả tiền cho cụ T4

và cha các bà đẻ anh của các bà là ông V đứng tên trong hợp đồng mua bán với cụ T4. Tại giấy cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở năm 2002 (BL 295 – 296), giấy cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 18/12/2008 (BL 297), giấy xác nhận ngày 09/12/2008, ngày 12/12/2008 (BL 299 – 300), hợp đồng tặng cho nhà và đất của bà H2 cho bà Hồ Ngọc T, bà Hồ Ánh N2, bà Hồ Băng T1 ngày 25/5/2009, ngày 29/5/2009 (BL 156 – 157, 179 – 181, 195 – 196) thể hiện bà Phạm Thị Cẩm H2 thừa nhận thửa đất 121, diện tích 376,3m² và các căn nhà trên đất là tài sản của cha mẹ chồng là cụ S3, cụ H3 để lại và bà H2 đồng ý chia cho bà T diện tích đất 38,2m², chia cho bà T1 diện tích đất 41m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, chia cho bà N2 diện tích đất 48,5m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, phần diện tích còn lại của thửa 121 sau khi trừ phần diện tích làm sân chung là phần của bà H2 và ông H1 cùng căn nhà thờ trên đất. Thực hiện sự thỏa thuận này, vào năm 2009 bà Phạm Thị Cẩm H2 tiến hành tách thửa 121 thành các thửa: Thửa 281, diện tích 38,2m² chia cho bà T; thửa 282, diện tích 41m² cùng căn nhà cấp 4 trên đất chia cho bà T1; thửa 283, diện tích 48,5m² cùng căn nhà cấp 4 trên đất cho bà N2 (BL 156 – 157, 179 – 181, 195 – 196); phần đất còn lại nay là thửa 252, diện tích 94,6m² và thửa 284, diện tích 154m². Vào năm 2008, bà Phạm Thị H2 và H1 mỗi người hùn số tiền 380.000.000 đồng để xây dựng căn nhà một trệt một lầu trên thửa đất 252 và nằm một phần trên thửa đất 284, việc này ông Hồ Trí Trường S1, bà Phạm Thị Cẩm H2, bà Hồ Ngọc C cũng thừa nhận (BL 301, 499 – 500, 510, 514 – 515, 518). Tại đơn kiến nghị ngày 12/02/2020 bà H2 thừa nhận thửa đất thửa 252, diện tích diện tích 94,6m² và thửa 284, diện tích 154m² và căn nhà lầu một trệt, một lầu là phần tài sản chung giữa bà H2 và ông H1 (BL 42); tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2021, biên bản hòa giải ngày 14/4/2022, biên bản hòa giải ngày 25/7/2022, biên bản hòa giải ngày 14/9/2022 ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C cũng thừa nhận thửa đất 252, 284 và căn nhà một trệt, một lầu nằm trên đất là phần tài sản chung của bà H2, ông H1 (BL 100 – 101, 509 -515). Từ những chứng cứ trên cho thấy, mặc dù trên giấy tờ là do ông Hồ Trí V1 đứng ra nhận chuyển nhượng thửa đất 121 từ cụ Trương Vĩnh T4 nhưng về bản chất của sự việc là do cụ S3 là người bỏ tiền ra để ông V1 nhận chuyển nhượng như lời khai của bà T, bà T1, bà N2 là có cơ sở; cũng chính vì điều này nên bà H2 thừa nhận thửa đất 121 và phần nhà trên đất (*phần nhà hiện nay bà T1, bà N2 quản lý và căn nhà thờ đã được dỡ bỏ*) là tài sản của cha mẹ chồng là cụ S3, cụ H3 để lại. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định thửa đất 121, diện tích 376,3m² và các căn nhà trên đất (*phần nhà hiện nay bà T1, bà N2 quản lý và căn nhà thờ đã được dỡ bỏ*) là di sản của cụ S3, cụ H3 để lại.

[7] Cụ Hồ Quang S3 và cụ Trương Thị H3 có 06 người con gồm: Hồ Trí V (chết năm 1998), Hồ Ánh N2, Hồ Công M, Hồ Thành H1, Hồ Băng T1, Hồ Ngọc T. Vào năm 2002, giữa bà H2 với bà T, bà T1, bà N2, ông H1 đã thỏa thuận chia

cho bà T diện tích đất 38,2m², chia cho bà T1 diện tích đất 41m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, chia cho bà N2 diện tích đất 48,5m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, phần diện tích còn lại của thửa 121 sau khi trừ phần diện tích làm sân chung là phần của bà H2, ông H1 cùng căn nhà thờ trên đất. Đến năm 2009, bà H2 đã làm thủ tục tặng cho bà T1, bà N2, bà T theo sự thỏa thuận trên và T, bà T1, bà N2 đã được cấp quyền sử dụng đất đối với các phần đất được chia này. Nay các bên không có tranh chấp về phần đất và nhà chia cho bà T, bà N2, bà T1. Phần di sản còn lại của cụ S3, cụ H3 hiện nay là thửa 252, diện tích 94,6m² và thửa 284 diện tích 154m². Sau khi trừ phần diện tích 44,5 [Phần ký hiệu B3.1 (thuộc thửa 284), B2.1 (thuộc thửa 252)] làm lối đi chung thì phần diện tích còn lại của thửa 284, 252 là 204,1m². Bà T1, bà N2, bà T đều có ý kiến, phần của các bà đã được chia nên các bà không có yêu cầu gì đối với diện tích đất 204,1m² còn lại của thửa 284, 252. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy 03 người con còn lại của cụ S3, cụ H3 chưa được chia là ông Hồ Thành H1, ông Hồ Trí V và ông Hồ Công M nên chia phần diện tích 204,1m² này cho ông V, H1, ông M.

[8] Về thời hiệu thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu thừa kế nên xem như thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ H3, cụ S3 vẫn còn.

[9] Về công sức gìn giữ, tôn tạo phần diện tích thửa đất 252, 284: Mặc dù bà Phạm Thị Cẩm H2 là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 252, 284 nhưng thực tế bà H2 cùng các con không có sống trên phần đất này mà về sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh từ khi ông V còn sống; việc trong nom phần đất này là do bà T1, bà N2 ở gần trong xóm nên bà H2 cùng các con bà H2, ông H1, ông M không có công sức gìn giữ, tôn tạo phần diện tích thửa đất 252, 284 này.

[10] Phần đất còn lại của thửa 252, 284 diện tích 204,1m² (sau khi trừ diện tích 44,5m² làm lối đi chung), Hội đồng xét xử chia cho ông Hồ Công M diện tích 37,8m² (phần ký hiệu B3.3.1, thuộc thửa 284). Phần còn lại diện tích 166,3m² (phần ký hiệu B1, B3.2, B2.2, B3.3.2, A1, A2, A3, thuộc thửa 252, 284) chia đều cho ông Hồ Thành H1 và ông Hồ Trí V (bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 là người thừa kế chuyển tiếp của ông V) mỗi người diện tích 83,15m² nhưng do trên phần diện tích đất này có căn nhà tường một trệt, một lầu do bà H2, ông H1 hùn xây dựng nên không thể chia bằng hiện vật được nên giao toàn bộ diện tích 166,3m² cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 quản lý, sử dụng; bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông

Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 có nghĩa vụ thanh toán giá trị 83,15m² với số tiền 748.350.000 đồng cho ông Hồ Thành H1 (83,15m² x 9.000.000 đồng/m²).

Trên phần diện tích 37,8m² (phần ký hiệu B3.3.1) chia cho ông Hồ Công M có 01 cây sa kê, 02 cây cao, tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Ngọc T thừa nhận là do ông Hồ Trí Trường S1 trồng nên buộc ông Hồ Công M phải có nghĩa vụ trả giá trị 01 cây sa kê, 02 cây cao với số tiền 440.000 đồng cho ông Hồ Trí Trường S1. Ông M được quyền sở hữu 01 cây sa kê, 02 cây cao này.

[11] Đối với căn nhà tầng một trệt, một lầu nằm trên đất (thửa 252, 284): Căn nhà này do bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Thành H1 hùn mỗi người phân nửa số tiền để xây dựng. Theo biên bản định giá ngày 11/12/2023 thì căn nhà này hiện nay có giá trị 704.235.600 đồng. Như nhận định trên, do giao phần diện tích đất 166,3m² cho cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 quản lý, sử dụng nên giao phần nhà thuộc sở hữu của ông Hồ Thành H1 cho bà Phạm Thị Cẩm H2 được quyền sở hữu; bà Phạm Thị Cẩm H2 có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần nhà của ông H1 với số tiền 352.117.800 đồng cho ông H1.

[12] Từ những chứng cứ và phân tích trên [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], Hội đồng xét xử xét thấy: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thành H1; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2.

[13] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần.

[14] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[15] Về lệ phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin: Số tiền 12.643.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà của bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 chịu số tiền 2.643.000 đồng nhưng do bà T1, bà N2 đã nộp tạm ứng số tiền 2.643.000 đồng nên không phải nộp tiếp. Buộc ông Hồ Thành H1 chịu 3.333.333 đồng, buộc ông Hồ Công M chịu 3.333.333 đồng; buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 chịu 3.333.333 đồng. Nhưng do ông Hồ Thành H1 nộp tạm ứng trước số tiền 10.000.000 đồng nên buộc ông Hồ Công M nộp lại số tiền 3.333.333 đồng để trả lại cho ông Hồ Thành H1, buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng để trả lại cho ông Hồ Thành H1.

[16] Về chi phí ủy thác tư pháp: Số tiền 3.200.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Thành H1 chịu số tiền 3.200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào 3.200.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0016821 ngày

04/5/2023 và biên lai số 0016822 ngày 04/5/2023 của Cục T7 hàn án dân sự tỉnh Trà Vinh nên ông H1 không phải nộp tiếp.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2 phải chịu 17.605.890 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần được chia $\frac{1}{2}$ căn nhà).

Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 phải chịu 33.934.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần hưởng thừa kế chuyển tiếp của ông Hồ Trí V đối với 83,15m² đất).

Buộc ông Hồ Thành H1 phải chịu 39.014.034 đồng án phí dân sự sơ thẩm (bao gồm phần được chia $\frac{1}{2}$ căn nhà và phần hưởng thừa kế đối với 83,15m² đất) nhưng được trừ vào 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006893 ngày 03/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, số tiền còn lại 27.014.034 đồng ông H1 phải nộp tiếp.

Buộc ông Hồ Công M phải chịu 17.010.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 37, 38, 39, 147, 153, 157, 165, 271, 273 và Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 207, Điều 208, Điều 209 Điều 219, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ –CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thành H1 (H).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2.

Chia cho ông Hồ Thành H1 giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà tương một trệt, một lầu nằm trên thửa đất 252 và một phần thửa đất 284 với số tiền 352.117.800 đồng. Chia

cho bà Phạm Thị Cẩm H2 ½ căn nhà tường một trệt, một lầu còn lại nằm trên thửa đất 252 và một phần thửa đất 284.

Giao toàn bộ căn nhà tường một trệt, một lầu (phần nhà chính: Móng, khung bê tông, cốt thép, tường xây gạch ống, nền lát gạch men, mái ngói, có trần, diện tích 117,2m²; tầng lầu diện tích 119,2m²) nằm trên thửa đất 252 và một phần thửa đất 284 cho bà Phạm Thị Cẩm H2 được quyền sở hữu. Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2 có nghĩa vụ trả giá trị ½ căn nhà tường một trệt, một lầu trên với số tiền 352.117.800 đồng cho ông Hồ Thành H1.

Bà Phạm Thị Cẩm H2 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục để được cấp quyền sở hữu đối với căn nhà tường một trệt, một lầu trên theo quy định của pháp luật.

Chia cho ông Hồ Thành H1 giá trị 83,15m² (thuộc thửa 252, 284) với số tiền 748.350.000 đồng. Chia cho ông Hồ Trí V (*người thừa kế chuyển tiếp của ông V gồm bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3*) diện tích đất 83,15m² (thuộc thửa 252, 284). Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 có nghĩa vụ trả giá trị 83,15m² đất trên với số tiền 748.350.000 đồng cho ông Hồ Thành H1.

Công nhận và giao phần diện tích đất diện tích 166,3m² (phần ký hiệu B1, B3.2, B2.2, B3.3.2, A1, A2, A3), loại đất ở đô thị, thuộc thửa 252, 284, cùng tờ bản đồ số 42, cùng tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 được quyền quản lý, sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 284, 252 (giáp phần ký hiệu B3.3.1; B3.1; B2.1) có các đoạn: Đoạn dài 3,88m, đoạn dài 1,45m, đoạn dài 3,51m, đoạn dài 1,21m, đoạn dài 1,56m, đoạn dài 0,99m, đoạn dài 02m, đoạn dài 3,07m, đoạn dài 0,5m, đoạn dài 0,2m, đoạn dài 1,28m, đoạn dài 0,5m, đoạn dài 01m.

Hướng Tây giáp các thửa 69, 120, 119 có các đoạn: Đoạn dài 1,71m, đoạn dài 2,79m, đoạn dài 2,73m, đoạn dài 3,44m, đoạn dài 0,7m, đoạn dài 0,56m.

Hướng Nam giáp thửa 283 có chiều dài 9,36m.

Hướng Bắc giáp thửa 68 có các đoạn: Đoạn dài 1,6m, đoạn dài 8,42m, đoạn dài 3,01m.

(*Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 117/VPĐKĐĐ – KTĐC kèm theo*)

Bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp quyền

sử dụng đất đối với diện tích đất 166,3m² được công nhận trên theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Hồ Ánh N2 tháo dỡ, di dời phần nhà chứa đồ diện tích 2,1m² nằm trên thửa đất 284 và phần mái hiên diện tích 10,4m² nằm phía trên không thửa đất 284 (nằm một phần trên diện tích 166,3m²) để giao trả diện tích đất trên cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3.

Chia cho ông Hồ Công M diện tích đất 37,8m² (phần ký hiệu B3.3.1), loại đất ở đô thị, thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 42, tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông có chiều dài 3,68m.

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 284 (giáp phần ký hiệu B3.3.2) có chiều dài 3,88m.

Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 284 (giáp phần ký hiệu B3.3.2; B3.1) có các đoạn: Đoạn dài 1,45m, đoạn dài 8,55m.

Hướng Bắc giáp thửa 68 có chiều dài 10m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 117/VPĐKĐĐ – KTĐC kèm theo)

Buộc ông Hồ Công M trả giá trị 01 cây sa kê, 02 cây cao với số tiền 440.000 đồng cho ông Hồ Trí Trường S1. Ông Hồ Công M được quyền sở hữu 01 cây sa kê và 02 cây cao này.

Ông Hồ Công M được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 37,8m² được chia trên theo quy định của pháp luật.

Tạm giao cho bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 quản lý phần diện tích 37,8m² đất chia cho ông Hồ Công M, khi nào ông Hồ Công M về nước có nhu cầu quản lý, sử dụng thì bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 có trách nhiệm giao lại phần diện tích đất 37,8m² trên cho ông M.

Dành phần diện tích diện tích 43,8m² (phần ký hiệu B3.1), loại đất ở đô thị, thuộc thửa 284 và phần diện tích 0,7m² (phần ký hiệu B2.1), loại đất ở đô thị, thuộc thửa 252, cùng tờ bản đồ số 42, cùng tọa lạc số 225, T, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh làm lối đi chung cho hộ gia đình bà Hồ Băng T1, hộ gia đình bà Hồ Ánh N2, hộ gia đình bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường bê tông, giáp thửa 281, 282 có các đoạn: Đoạn dài 02m, đoạn dài 6,51m, đoạn dài 3,71m, đoạn dài 1,4m, đoạn dài 1,57m, đoạn dài 01m, đoạn dài 1,99m.

Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 284, 252 (giáp phần ký hiệu B3.3.2; B2.2; B3.2) có các đoạn: Đoạn dài 3,51m, đoạn dài 1,21m, đoạn dài 1,56m, đoạn dài 0,99m, đoạn dài 02m, đoạn dài 3,07m, đoạn dài 0,5m, đoạn dài 0,2m, đoạn dài 1,28m, đoạn dài 0,5m, đoạn dài 01m.

Hướng Nam giáp thửa 282, 283 có các đoạn: Đoạn dài 5,07m, đoạn dài 1,6m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 284 (giáp phần ký hiệu B3.3.1) có chiều dài 8,55m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 117/VPĐKĐĐ – KTĐC kèm theo)

Buộc ông Hồ Trí Trường S1 di dời 01 cây mai hoàng hậu nằm trên phần đất dành làm lối đi chung này để giao phần đất này làm lối đi chung.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin: Số tiền 12.643.000đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà của bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 chịu số tiền 2.643.000 đồng nhưng do bà T1, bà N2 đã nộp tạm ứng số tiền 2.643.000 đồng nên không phải nộp tiếp. Buộc ông Hồ Thành H1 chịu 3.333.333 đồng, buộc ông Hồ Công M chịu 3.333.333 đồng; buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 chịu 3.333.333 đồng. Nhưng do ông Hồ Thành H1 nộp tạm ứng trước số tiền 10.000.000 đồng nên buộc ông Hồ Công M nộp lại số tiền 3.333.333 đồng để trả lại cho ông Hồ Thành H1, buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng để trả lại cho ông Hồ Thành H1.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp: Số tiền 3.200.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Thành H1 chịu số tiền 3.200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào 3.200.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0016821 ngày 04/5/2023 và biên lai số 0016822 ngày 04/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên ông H1 không phải nộp tiếp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2 phải chịu 17.605.890 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần được chia $\frac{1}{2}$ căn nhà).

Buộc bà Phạm Thị Cẩm H2, ông Hồ Trí Trường S1, bà Hồ Ngọc C, bà Hồ Ngọc N1, bà Hồ Ngọc S2, bà Hồ Ngọc T2, ông Hồ Trí Trường G, bà Hồ Ngọc T3 phải chịu 33.934.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần hưởng thừa kế chuyển tiếp của ông Hồ Trí V đối với 83,15m² đất).

Buộc ông Hồ Thành H1 phải chịu 39.014.034 đồng án phí dân sự sơ thẩm (bao gồm phần được chia $\frac{1}{2}$ căn nhà và phần hưởng thừa kế đối với 83,15m² đất) nhưng được trừ vào 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006893 ngày 03/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, số tiền còn lại 27.014.034 đồng ông H1 phải nộp tiếp.

Buộc ông Hồ Công M phải chịu 17.010.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm
Bà Hồ Băng T1, bà Hồ Ánh N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Riêng ông Hồ Công M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng